

Số: 143/2019/QĐST- HNGĐ

Yên Bái, ngày 26 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Vượng
2. Ông Trần Hùng

Căn cứ vào các Điều 147; 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83; 110; 116; 117 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ các Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 8 Điều 26; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 142/2019/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị T, sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 02 (tổ 11 cũ), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn: Anh Trương Quang B, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 02 (tổ 11 cũ), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Vi Thị T và anh Trương Quang B thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con: Chị Vi Thị T nhận trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là Trương Khánh L, sinh ngày 19/11/2007 và Trương Nam P, sinh ngày 11/7/2013 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Trương Quang B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000đồng/ 01 cháu /01tháng. Tổng cộng anh B phải cấp dưỡng nuôi hai con số tiền là 2.000.000đồng/01 tháng, cho đến khi các cháu L và P đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01.08.2019.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án mà anh B chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

2.3. Về chia tài sản, nợ chung: Chị T và anh B tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết

2.4. Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đồng theo quy định của pháp luật. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0002242 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Trương Quang B phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND thành phố Yên Bái;
- THADS thành phố Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện H, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS, TA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy